

CÔNG TY TNHH TÚ PHƯƠNG

*****o0o*****

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI XÓP SIÊU THỊ

**ĐỊA ĐIỂM: SỐ 172 PHỐ SÀI ĐỒNG, PHƯỜNG SÀI ĐỒNG,
QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Hà Nội, tháng 11 năm 2022

CÔNG TY TNHH TÚ PHƯƠNG

*****o0o*****

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚ XỐP SIÊU THỊ

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 172 PHỐ SÀI ĐỒNG, PHƯỜNG SÀI ĐỒNG,
QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH TÚ PHƯƠNG**



CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Tú Anh

Hà Nội, tháng 11 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên Chủ cơ sở: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tú Phương.....	6
2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
3.4. Mô tả tóm tắt tình hình hoạt động của nhà máy.	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	10
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	11
2.1. Đối với nước thải	11
2.2. Đối với khí thải.....	11
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	14
1.3. Xử lý nước thải	15
2. Các công trình xử lý bụi, khí thải	16
3. Các công trình thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường	18
3.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường của Công ty bao gồm:	18
3.2. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh.....	18
3.3. Phương thức thu gom, lưu giữ tạm thời chất thải rắn thông thường:	18
4. Các công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	19
4.1. Nguồn phát sinh chất thải nguy hại:	19
4.2. Thành phần và lượng chất thải nguy hại phát sinh	19
4.3. Biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải rắn nguy hại của Công ty TNHH Tú Phương	19
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	20
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	21
6.1. Phương án phòng cháy chữa cháy của cơ sở	21
6.2. Quy trình ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất.....	23

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	24
7.1. Biện pháp bảo vệ với công trình thu gom và thoát nước thải ra nguồn tiếp nhận....	24
7.2. Thực hiện sử dụng nước tiết kiệm.....	24
7.3. Tăng cường hiệu quả HTXL nước thải:.....	24
7.4. Nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý môi trường:	24
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường.....	25
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.....	25
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	26
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	26
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	26
1.2. Lưu lượng xả thải tối đa, dòng nước thải, vị trí, phương thức xả nước thải và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:	26
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	27
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	27
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Dự án không thực hiện dịch vụ nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất nên không đề xuất nội dung này.	28
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	29
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	32
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	32
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	32
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	32
2.2. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục	32
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	32
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	33
1. Đoàn thanh tra của Sở Công thương Hà Nội	33
2. Đoàn kiểm tra của UBND quận Long Biên.....	34
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	37
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
KPH	: Không phát hiện
NT	: Nước thải
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
QCTĐHN	: Quy chuẩn thủ đô Hà Nội
QCQG	: Quy chuẩn quốc gia
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Sản lượng sản xuất hàng năm	7
Bảng 2: Sản phẩm của Công ty TNHH Tú Phương năm 2022	8
Bảng 3: Nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất.....	10
Bảng 4: Phân bố lao động của Công ty	10
Bảng 5: Thông số kỹ thuật của tuyến cống thoát nước mưa của Công ty.....	13
Bảng 6: Tuyến cống thoát nước mưa của Công ty	14
Bảng 7: Lượng hóa chất sử dụng cho quá trình xử lý nước thải	15
Bảng 8: Quy chuẩn kỹ thuật nước thải sau xử lý của Công ty	16
Bảng 9: Thống kê trang thiết bị thu gom CTR sinh hoạt	19
Bảng 10: Thống kê chất thải nguy hại (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) Công ty TNHH Tú Phương	19
Bảng 11: Thống kê các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại cơ sở	21
Bảng 13: Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý sau xử lý sơ bộ của Công ty	27
Bảng 14: Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của tiếng ồn.....	28
Bảng 15: Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của độ rung	28

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Quy trình sản xuất túi xốp siêu thị của Công ty Tú Phương	7
Hình 2: Sơ đồ quản lý của Công ty	10
Hình 3: Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở	13
Hình 4: Sơ đồ thu gom nước thải của Công ty TNHH Tú Phương	14
Hình 5: Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên	17
Hình 6: Hệ thống thông gió tự nhiên của Nhà xưởng	17
Hình 7: Quạt thông gió cưỡng bức	17
Hình 8: Hình ảnh khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại.....	20
Hình 9: Hình ảnh máy móc, thiết bị trong nhà xưởng sản xuất.....	21
Hình 10: Biển báo, trang thiết bị và nội quy phòng cháy và chữa cháy.....	22

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên Chủ cơ sở: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tú Phương

- Địa chỉ văn phòng: Số 172 phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư dự án: Ông **Bùi Tố Hùng** - Chức vụ: **Giám đốc**

- Điện thoại: 024 38751387

Fax: 024 38751899

- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 0100596996 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 18/6/1994 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/02/2015.

2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị

- Địa điểm cơ sở: Số 172 phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Quyết định số 708/QĐ-STNMT ngày 05/11/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị” của Công ty TNHH Tú Phương tại số 172 phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, tp.Hà Nội;

+ Giấy xác nhận hoàn thành số 74/STNMT-CCMT ngày 26/01/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết cơ sở “Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị” – Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tú Phương – Địa điểm: số 172 phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội;

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 546/GP-UBND được UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2019;

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 01.001191.T được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 29/11/2012.

- Quy mô của cơ sở: Dự án nhóm C (theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Công suất thiết kế: 3.500 tấn sản phẩm/năm.

- Công suất thực tế đang hoạt động là: 2.500 tấn sản phẩm/năm

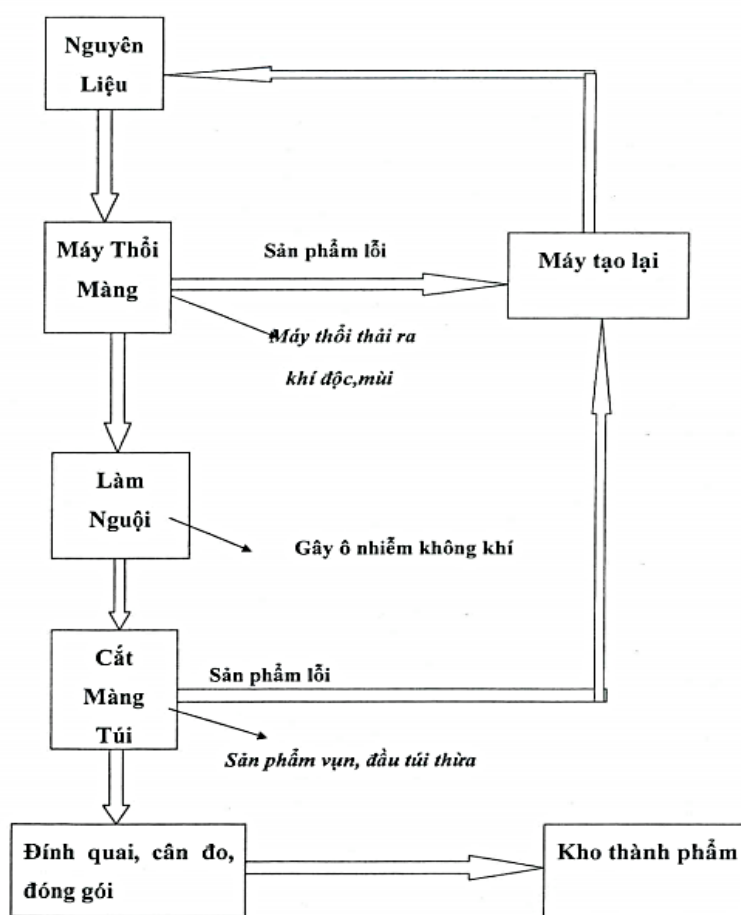
- Đạt công suất thiết kế: 72,86%

Bảng 1: Sản lượng sản xuất hàng năm

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Công suất thiết kế
2012-2013	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	3.200
2013-2014	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	3.100
2014-2015	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	3.150
2015-2016	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	3.050
2016-2017	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	3.250
2017-2018	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	3.500
2018-2019	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	2.950
2019-2020	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	2.800
2020-2021	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	3.190
2021-đến nay	Túi xốp siêu thị	Tấn/năm	2.850

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Hiện tại, Công ty đang sản xuất túi xốp siêu thị với quy trình sản xuất như sau:



Hình 1: Quy trình sản xuất túi xốp siêu thị của Công ty Tú Phương

Thuyết minh quy trình sản xuất:

- Nguyên liệu đầu vào là hạt nhựa HDPE, LLDPE, LDPE được nhập khẩu từ Ả Rập, Hàn Quốc, Thái Lan,... có pha trộn với CaCO₃ hạt màu, tỷ lệ 50% nhựa, 30% CaCO₃, 18%

phế liệu, 2% hạt màu. Các nguyên liệu được trộn ngoài sau đó cho vào máy thổi. Tại đây do quá trình tăng nhiệt bằng điện, nguyên liệu bị nóng chảy trộn lẫn vào nhau tạo chất dẻo mềm được thổi thành màng mỏng kích thước chiều rộng khác nhau tùy theo yêu cầu. Sau đó màng được làm nguội bằng quạt gió, màng sản xuất ra màng.

Các tấm màng sau khi được làm nguội sẽ chuyển sang máy cắt màng theo kích thước chiều dài tùy từng loại sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Khi các tấm màng được cắt hoàn chỉnh chúng được chuyển sang máy dập quai, dán nhãn và đóng gói thành phẩm. Kết thúc 1 quá trình sản xuất sản phẩm được nhập vào kho chờ xuất hàng.

Tại giai đoạn Cắt màng và Dập quai tạo ra những mảnh nhựa vụn thừa, lỗi không sử dụng được, chúng được tận dụng để quay lại giai đoạn đầu làm nguyên liệu sản xuất.

Trong cả quá trình tạo thành phẩm không vứt bỏ hay thải ra bất cứ nguồn thải nào ra môi trường.

Quá trình thổi, cắt, dập quai là nhờ máy thổi, máy cắt, máy dập quai chúng tạo ra tiếng ồn trong xưởng sản xuất. Các thiết bị máy móc này chạy bằng động cơ biến tần nên giảm nhiều được tiếng ồn.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Công ty TNHH Tú Phương là túi xốp phục vụ cho các siêu thị, cụ thể như sau:

Bảng 2: Sản phẩm của Công ty TNHH Tú Phương năm 2022

STT	Loại sản phẩm	Công suất (tấn/ngày)	Công suất (tấn/năm)	Công suất thiết kế (tấn/năm)
1	Túi nilon (túi xốp siêu thị)	8,5	2.550	3.500

3.4. Mô tả tóm tắt tình hình hoạt động của nhà máy.

+ *Thực trạng sản xuất, tình hình hoạt động thực tế của nhà máy hiện nay.*

Tại thời điểm xin phê duyệt Đề án BVMT Công ty đang sử dụng nguyên liệu đầu vào là hạt nhựa HDPE, LLDPE, LDPE có nguồn gốc trong nước và ngoài nước với tỷ lệ pha trộn với Taical (CaCO₃) và hạt màu là: 50% nhựa + 30% Taical (CaCO₃) + 18% phế liệu + 2% hạt màu với thành phần chính là (HC). Do vậy, khi hỗn hợp nguyên liệu được cho vào máy thổi sẽ gây mùi khó chịu (mùi nhựa). Vì vậy, để giảm thiểu mùi, Công ty đề xuất biện pháp lắp đặt bổ sung hệ thống bộ lọc than hoạt tính cho hệ thống thổi màng tại Nhà máy. Đến nay, do nhu cầu khách hàng ngày càng khắt khe về chất lượng sản phẩm túi xốp, nên Công ty đã chuyển đổi tỷ lệ nguyên liệu sử dụng cho sản xuất thành tỷ lệ 95% nguyên chất + 3% tái chế + 2% phụ gia với nguồn gốc nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Malaysia, Ả Rập, Thái Lan và trong nước. Do vậy, khi hỗn hợp nguyên liệu được cho vào máy thổi đã giảm đáng kể mùi khó chịu (mùi nhựa).

Bên cạnh đó, sau quá trình triển khai áp dụng các giải pháp, biện pháp xử lý, giảm thiểu không khí đã cam kết như trong Đề án, kể từ khi được phê duyệt (tháng 11/2012) cụ thể là:

- Quy hoạch, thiết kế nhà xưởng hợp lý, lợi dụng gió tự nhiên tạo sự thông thoáng không khí bên trong, tạo sự cân bằng nhiệt độ trong ngoài nhà xưởng, sử dụng quạt hút công nghiệp để hút xả và thổi khí đảm bảo cho nhu cầu thông gió của toàn xưởng;

- Công ty đã trang bị máy móc hiện đại, tiên tiến có hệ thống giảm thiểu ô nhiễm khí, nhiệt trong quá trình thổi màng. Thường xuyên bảo dưỡng, nâng cấp thiết bị nhằm giảm thiểu tối đa nguy cơ phát tán nhiệt ra ngoài môi trường đồng thời cũng nhằm giảm thiểu chi phí cho quá trình sản xuất, tiết kiệm năng lượng.

- Yêu cầu công nhân vận hành máy tuân thủ đúng các quy trình kỹ thuật kiểm soát nhiệt độ thổi màng không để nhiệt tăng quá cao, gây ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động cũng như khuôn viên chung của khu vực sản xuất.

+ Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện so với quyết định phê duyệt Đề án BVMT:

- Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Đã xây dựng 01 kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 1m².
- Đã xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 5m².
- Đã xây dựng 01 kho chứa phế liệu diện tích kho 1 là 4m²
- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, chuyển giao chất thải với các đơn vị có đủ chức năng và năng lực (Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn quận Long Biên với Công ty CP Công trình Đô thị Long Biên; và Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

❖ Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp: Nước máy của Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội
- Lượng tiêu thụ: trung bình khoảng 263m³/tháng, phục vụ sinh hoạt và tưới cây, không sử dụng cho sản xuất (theo hoá đơn nước từ tháng 8 đến tháng 10/2022).

❖ Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cấp: điện lưới Quốc gia do Công ty Điện lực Long Biên quản lý
- Lượng tiêu thụ: trung bình 112.660 KWh/tháng.

❖ Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

- Dầu, nhớt: Dầu, nhớt bôi trơn cho máy móc sản xuất: khoảng 50 lít/tháng
- Dầu chạy máy phát điện dự phòng: khoảng 20 lít/tháng
- Nhớt thay cho máy phát điện dự phòng: khoảng 1 lít/tháng
- Gas: 90 kg/tháng.

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu tiêu hao: có tỷ lệ thành phần nguyên liệu là 95% nhựa nguyên

chất + 3% tái chế + 2% phụ gia.

Bảng 3: Nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất

TT	Tên hóa chất	Lượng tiêu tốn (Kg/tháng)	Nguồn gốc
1	Taical (CaCO ₃)	20.000	Việt Nam
2	Hạt nhựa HDPE, LLDPE, LDPE	150.000	Hàn Quốc, Malaysia, Ả Rập, Thái Lan
3	Hạt màu	1.000	Việt Nam

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Tổ chức, bộ máy vận hành tại cơ sở như sau:

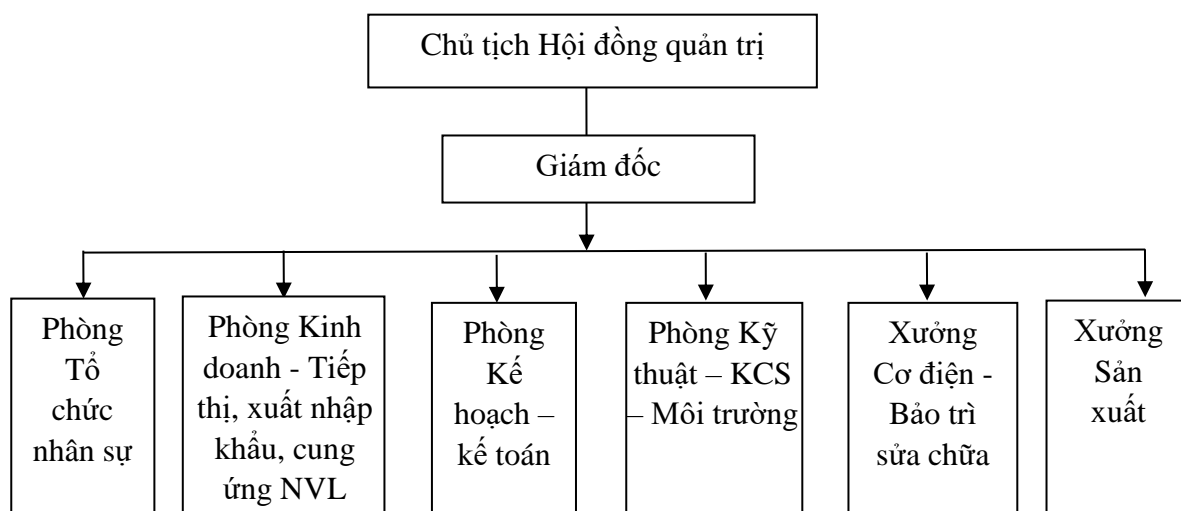
- Tổng số lao động hiện tại: 150 người

Bảng 4: Phân bố lao động của Công ty

TT	Chức vụ/ Phòng ban	Số lượng
1	Giám đốc	1
2	Chủ tịch hội đồng quản trị	1
3	Phòng Tổ chức nhân sự	1
4	Phòng kinh doanh – Tiếp thị, xuất nhập khẩu, cung ứng nguyên vật liệu	2
5	Phòng kế hoạch – Tài chính kế toán	4
6	Phòng kỹ thuật – KCS – Môi trường	6
7	Xưởng Cơ điện – Bảo trì sửa chữa	10
8	Xưởng sản xuất	125
	Tổng cộng	150

Thời gian làm việc: 8 giờ/ca, dự án hoạt động 3 ca/ngày, 330 ngày/năm.

Các chế độ nghỉ phép, các ngày lễ, nghỉ tết theo quy định Nhà nước.



Hình 2: Sơ đồ quản lý của Công ty

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nên chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia làm cơ sở để đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trong giai đoạn này. Ngày 07/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 313/QĐ-TTg về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, hiện nay Hà Nội mới đang triển khai lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nên phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường của thành phố cũng như phân vùng môi trường, vì vậy, báo cáo không đánh giá sự phù hợp.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Đối với nước thải

Hiện nay, thành phố Hà Nội chưa công bố kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt theo Điều 4, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải.

Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số $k=1,2$ được thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của Thành phố nên không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng chịu tải của môi trường.

Theo Quyết định số 708/QĐ-STNMT ngày 05/11/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị” của Công ty TNHH Tú Phương tại số 172 phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, trong đó yêu cầu nước thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực. Bên cạnh đó, theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 546/GP-UBND được UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2019 cũng cho phép nước thải được phép xả thải theo giá trị giới hạn tại cột B QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số $k=1,2$. Do đó, việc xả thải của nhà máy ít ảnh hưởng đến chất lượng nước nguồn tiếp nhận và khả năng chịu tải của nguồn nước vẫn đảm bảo.

2.2. Đối với khí thải

Theo Quyết định số 708/QĐ-STNMT ngày 05/11/2012 của Sở Tài nguyên và

Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị” của Công ty TNHH Tú Phương yêu cầu: Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2009/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; khí thải ống khói phát sinh trong quá trình vận hành phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hoạt động từ khu vực văn phòng, từ phương tiện giao thông và khí thải từ máy phát điện dự phòng (chỉ hoạt động khi mất điện) chiếm tỷ lệ nhỏ. Vì vậy, mức độ ảnh hưởng đối với môi trường không khí của dự án ở mức độ thấp, phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

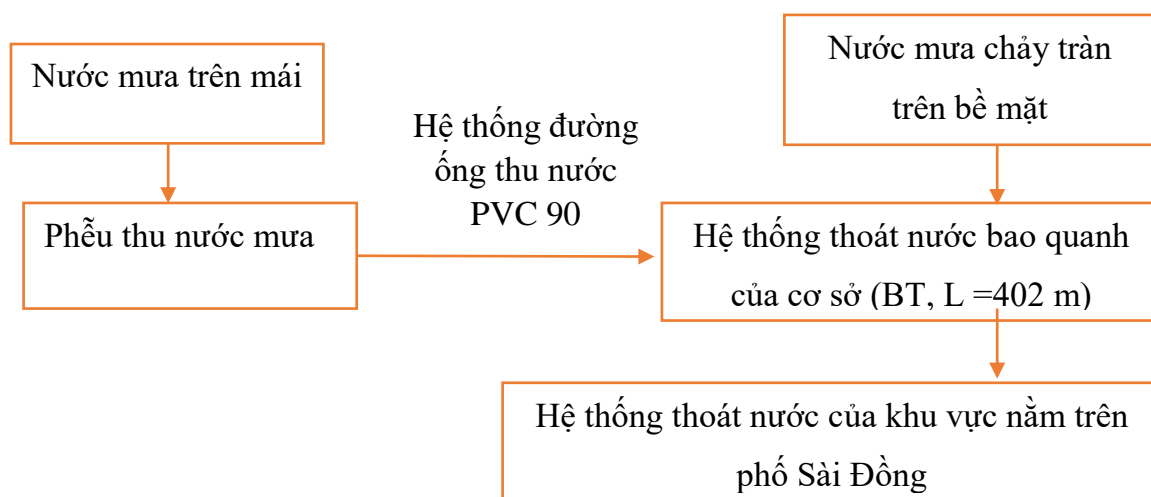
CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.



Hình 3: Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt Cơ sở sau khi được thu gom sẽ dẫn về hệ thống thu gom nước mưa chung của cơ sở rồi thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung trên phố Sài Đồng.

Nước mưa trên mái được thu gom vào các phễu thu qua hệ thống đường ống thu nước PVC Ø90 vào hệ thống cống rãnh chạy bao quanh các khu nhà sản xuất, khu nhà làm việc và chảy vào hệ thống cống ngầm. Hệ thống thoát nước mặt được xây dựng bằng gạch đỏ bê tông, dài x rộng x sâu 0,5 x 0,5m x 1,5m chạy bao quanh nhà máy với tổng chiều dài 402m. Trên hệ thống thoát nước mưa có bố trí các hố ga lắng cặn (số lượng 43 hố, kích thước dài x rộng x sâu 0,5 x 0,5 x 1,5 m).

Vì đặc điểm độ cao nền của cơ sở thấp hơn so với nền đường phố Sài Đồng nên cơ sở dễ bị ngập úng khi xảy ra hiện tượng mưa lớn và hệ thống thoát nước mưa phố Sài Đồng tiêu thoát kịp. Do đó, Cơ sở có bố trí lắp đặt 01 máy bơm Công suất 7,5kW để chống ngập tại cơ sở.

Bảng 5: Thông số kỹ thuật của tuyến cống thoát nước mưa của Công ty

TT	Loại công trình, thiết bị	Vật liệu chế tạo	Thông số
1	Cống ngầm	Gạch đỏ bê tông	Chiều dài: 402m Kích thước cống: L x B x H = 0,5 x 0,5 x 1,5 m
2	Ống nhựa	PVC	Đường kính Ø90

TT	Loại công trình, thiết bị	Vật liệu chế tạo	Thông số
3	Máng thu nước mưa mái	Thép	Chiều dài 200 m
4	Bơm tiêu thoát nước mưa	-	01 máy công suất 7,5kw

Hướng thoát nước chính cho toàn bộ Công ty:

Bảng 6: Tuyến cống thoát nước mưa của Công ty

TT	Tên tuyến	Chiều dài tuyến thu gom (m)	Loại cống
1	Tuyến thu gom nước mưa của cơ sở ra hệ thống thoát nước mưa chung trên phố Sài Đồng	402	Cống ngầm Bao gồm 43 hố ga Kích thước: L x B x H = 0,5 x 0,5 x 1,5 m

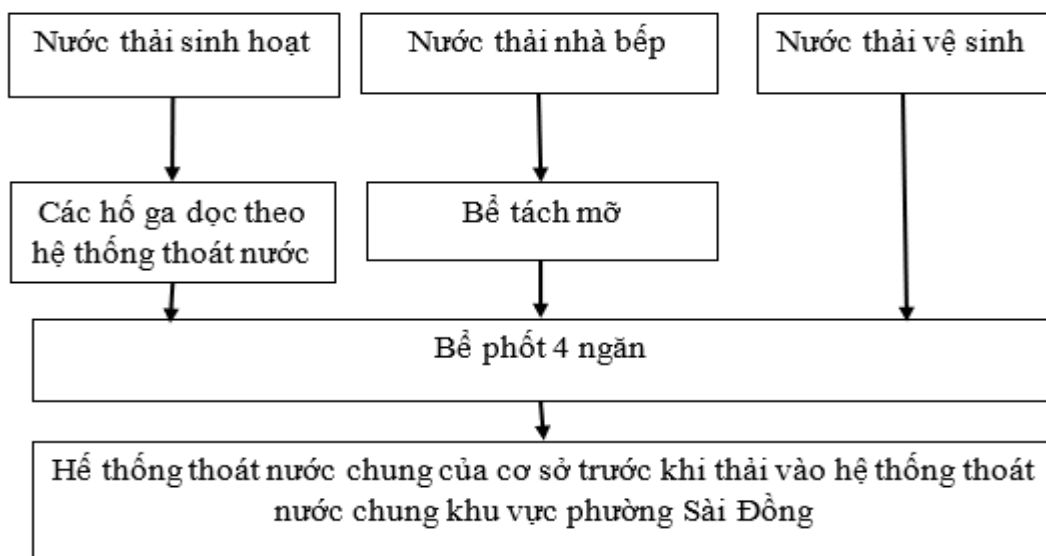
1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Mạng lưới thu gom nước thải

Cơ sở hiện được chia làm hai khu làm việc bao gồm: Khu dịch vụ hành chính và khu Nhà xưởng sản xuất. Tuy vậy với đặc thù sản xuất nhựa của cơ sở khu Nhà xưởng sản xuất không phát sinh nước thải. Nguồn nước thải chủ yếu phát sinh của cơ sở là nước thải sinh hoạt, vệ sinh hàng ngày của cán bộ, công nhân viên. Các công nhân viên từ khu dịch vụ hành chính và khu Nhà xưởng sử dụng chung hệ thống nhà vệ sinh được bố trí tại phía trái gần cống vào hướng từ đường Sài Đồng. Tại đây nước thải sẽ được thu gom qua hệ thống bồn cầu xí tiêu, thoát nước sàn và các lavabo của khu vệ sinh. Khu nhà bếp sẽ sử dụng bể tách mỡ để hạn chế việc tắc nghẽn đường ống thoát nước cũng như ảnh hưởng tới đầu ra nước thải về sau.

Nước thải sinh hoạt được thu gom vào đường ống nhựa PVC Ø 90 – Ø 110 vào các hố ga thu gom nước thải và theo tuyến cống ngầm bằng bê tông cốt thép có chiều dài 407m bao quanh cơ sở về bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.

b. Công trình thoát nước thải trong Công ty



Hình 4: Sơ đồ thu gom nước thải của Công ty TNHH Tú Phương

Khối lượng tuyển công thoát nước thải của Công ty được trình bày ở bảng dưới:

1.3. Xử lý nước thải

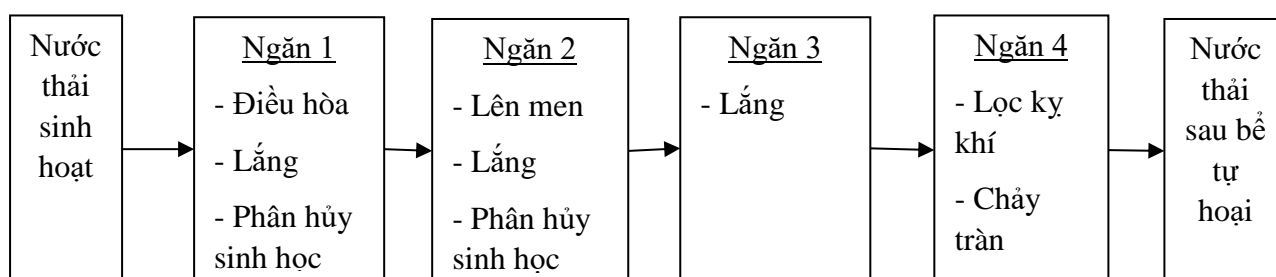
Nước thải sau khi được thu gom qua hệ thống hồ ga sẽ được đưa về bể tự hoại 4 ngăn. Nước và chất thải sau khi thải ra được đưa vào ngăn 1 (có dung tích 7,8m) đến ngăn 2 (có dung tích 4m), rồi qua ngăn 3 (có dung tích 4m) sau đó chảy vào ngăn 4 (có dung tích 2,2m) theo cơ chế tuần hoàn.

Khi chất tải đã được đưa về bể, tại đây sẽ diễn ra quá trình xử lý điều hòa và phân hủy chất thải sinh hoạt thành thể lỏng bởi các vi khuẩn, vi sinh vật có sẵn trong bể tự hoại. Các chất thải rắn khó phân hủy, không phân hủy được sẽ chìm xuống đáy bể, phần chất thải đã được hóa lỏng sẽ theo ống cống tràn sang bể lắng tiếp theo.

Ở ngăn bể lắng thứ 2, chất thải vẫn sẽ tiếp tục được phân hủy bởi các vi sinh vật có trong bể. Tương tự quá trình đã diễn ra ở ngăn thứ nhất. Những chất thải dạng rắn khó phân hủy, không phân hủy được sẽ tiếp tục bị lắng xuống đáy, phần chất lỏng lơ lửng phía bên trên lúc này cũng gần như đã được làm sạch sẽ tiếp tục theo ống cống tràn sang ngăn thứ 3 và tiếp tục được phân hủy, lắng đọng.

Sau đó chất thải được chảy tràn sang ngăn thứ 4 lọc kỵ khí, lọc hết các tạp chất để có thể đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết để đưa ra ngoài môi trường.

Chất thải đã được phân hủy, lắng đọng ở ngăn thứ 2, sau khi tràn sang ngăn thứ ba sẽ tiếp tục quy trình lắng đọng chất thải tương tự như ở ngăn chứa thứ hai. Chất thải ở ngăn chứa thứ ba gần như đã được làm sạch hoàn toàn, nên khi đưa vào ngăn chứa thứ 3, nước thải được lắng đọng để những cặn bã còn sót lại sẽ chìm xuống dưới, phần nước thải được chảy tràn sang ngăn thứ 4. Tại ngăn thứ 4 phần nước sạch đã được lắng đọng ở phía trên lúc này đã hoàn toàn được làm sạch. Đáp ứng đầy đủ các yếu tố, yêu cầu, đảm bảo vệ sinh, độ an toàn để đưa ra môi trường bên ngoài. Vì tính chất nước thải của cơ sở chỉ là nước thải sinh hoạt của các công nhân và không có nước thải trong quá trình sản xuất nên việc xử lý bằng bể tự hoại có thể đáp ứng tốt các yếu tố môi trường.



* Hóa chất sử dụng cho trạm xử lý nước thải:

Lượng hóa chất sử dụng được thể hiện ở bảng dưới:

Bảng 7: Lượng hóa chất sử dụng cho quá trình xử lý nước thải

STT	Tên hóa chất	Lượng tiêu tốn	Vị trí châm hóa chất
1	Chế phẩm vi sinh Bio-tech	200g/m ³ bể	Bể tự hoại (10m ³)

Yêu cầu về quy chuẩn nấp dụng với nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý của công ty TNHH Tú Phương đạt giới hạn kỹ thuật đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối

với nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k=1,2).

Bảng 8: Quy chuẩn kỹ thuật nước thải sau xử lý của Công ty

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
1	pH	–	6 - 10,8
2	BOD5 (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	6.000

2. Các công trình xử lý bụi, khí thải

Trong giai đoạn hoạt động của Nhà máy, nguồn phát sinh khí thải, bụi chủ yếu là từ: quá trình thổi màng, đóng gói; quá trình vận chuyển nguyên liệu do nguyên liệu đầu vào là hạt nhựa.

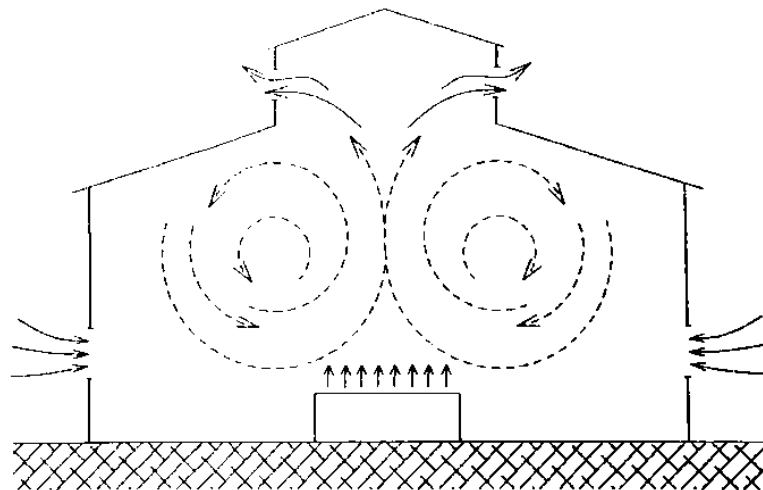
Quá trình thổi (quá trình tăng nhiệt tạo màng): Khi hạt nhựa ở nhiệt độ thích hợp sẽ bị nóng chảy và phát một lượng khí VOC, HC (do thành phần chính của hạt nhựa của Công ty là PE). Tuy nhiên, khi nhập nguyên liệu, Công ty đã yêu cầu nhà cung cấp phải có giấy cam kết các hóa chất có trong hạt nhựa đều dưới ngưỡng quy định. Vì vậy, lượng khí phát sinh trong quá trình thổi tạo màng không vượt quá tiêu chuẩn cho phép nên không gây tác hại đến môi trường và sức khỏe con người. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng môi trường không khí trong khu vực sản xuất và các khu vực khác trong nhà máy (văn phòng, phòng máy, nhà bếp, nhà vệ sinh...), Công ty đã thực hiện một số biện pháp sau:

Các giải pháp về xây dựng:

+ Xây dựng nhà xưởng cao ráo theo đúng quy định về kết cấu nhà xưởng: tường gạch cao 2m, khung tôn thép, mái lợp tôn chống nóng, sử dụng nhiều sổ sát mái tạo độ thông thoáng tự nhiên, lợi dụng sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất và gió giữa bên trong và bên ngoài nhà xưởng làm giảm nhiệt trực tiếp tại khu vực sản xuất.

+ Thông gió cưỡng bức (Sử dụng quạt hút gió): Sử dụng quạt hút gió công nghiệp có công suất lớn tại khu vực nhà xưởng sản xuất. Công ty đã lắp đặt 11 quạt thông gió với công suất 5 kw sát mái nhà xưởng. Nguyên lý xử lý của hệ thống quạt thông gió là

thông gió kết hợp giữa hút xả và thổi khí đảm bảo cho nhu cầu thông gió của toàn xưởng. Vì vậy có thể chủ động hút không khí ô nhiễm tại những vị trí phát sinh chất ô nhiễm (khu vực thổi nhựa) và cấp vào những vị trí yêu cầu cấp gió tươi lớn nhất.



Hình 5: Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên



Hình 6: Hệ thống thông gió tự nhiên của Nhà xưởng



Hình 7: Quạt thông gió cưỡng bức

- Các giải pháp khác

Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng môi trường không khí trong Nhà máy, Công ty còn áp dụng một số biện pháp giảm thiểu phát tán bụi và khí thải ra môi trường xung quanh như sau:

+ Trồng cây xanh: cây được trồng tại cổng ra vào Nhà máy, đóng vai trò ngăn phát tán bụi, giảm ồn và cải thiện cảnh quan khu vực sản xuất;

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì thiết bị, đảm bảo thiết bị vận hành tốt nhằm hạn chế khí thải phát sinh;

+ Lắp đặt hệ thống máy điều hòa, quạt cây, quạt treo tường, quạt thông gió trong khu vực văn phòng, nhà ăn, khu vực nhà kho;



Hệ thống quạt thông gió cưỡng bức tại xưởng sản xuất

+ Máy phát điện lắp đặt ở ngoài nhà xưởng, khu vực thông thoáng, lập lưới chắn bao quanh nhằm hạn chế khí thải, tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến công nhân;

+ Bố trí hệ thống giao thông nội bộ trong nhà máy phù hợp, giảm tập trung phương tiện ra vào cùng một lúc.

3. Các công trình thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường của Công ty bao gồm:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên;
- Chất thải rắn không chứa thành phần nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

3.2. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở, bao gồm:

- Chất thải rắn sinh hoạt: ước tính trung bình mỗi tháng là 2.250kg/tháng (tương đương 75 kg/ngày).
- Chất thải rắn thông thường có thể tái chế như: giấy loại, bì carton chiếm khoảng 100kg/tháng

3.3. Phương thức thu gom, lưu giữ tạm thời chất thải rắn thông thường:

Chất thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy (bao gồm chất thải phát sinh từ nhà bếp) được thu gom vào 01 thùng chứa màu xanh, có nắp đậy, dung tích 240lít đặt tại khu vực gần cổng ra/vào của Công ty (để thuận tiện cho công tác thu gom hàng ngày). Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đang được Công ty TNHH Tú Phương ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với Công ty CP Công trình đô thị Long Biên với tần suất 01 lần/ngày.

Đối với chất thải công nghiệp thông thường bao gồm: túi ni lon, giấy, bì, hạt nhựa rơi vãi, phế phẩm hỏng với tổng khối lượng ước khoảng 100 kg/tháng. Toàn bộ lượng các thải này được thu gom vào các túi đặt tại xưởng sản xuất, sau đó được nhân viên vệ sinh thu gom, vận chuyển về khu vực tập kết chất thải rắn tạm thời đặt tại khu vực gần cổng ra/vào của Công ty. Tại đây, chất thải được tiến hành phân loại để bán cho

đơn vị thu mua phế liệu với tần suất trung bình 1 lần/tháng.

Bảng 9: Thống kê trang thiết bị thu gom CTR sinh hoạt

STT	Thiết bị	Số lượng (chiếc)
1	Thùng rác 250l	2
2	Xe chứa rác 500l	1

4. Các công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Nguồn phát sinh chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại của cơ sở phát sinh từ các nguồn sau:

- Khu làm việc của nhân viên văn phòng
- Một phần nhỏ từ hoạt động sản xuất như găng tay, giẻ lau, dầu mỡ thải từ máy móc, thiết bị.

4.2. Thành phần và lượng chất thải nguy hại phát sinh

Căn cứ theo Chứng từ vận chuyển chất thải nguy hại giữa Công ty TNHH Tú Phương và Đơn vị chức năng, khối lượng CTNH phát sinh tại Công ty trong vòng 04 tháng (tính đến 04/4/2022) đã được thu gom, đưa đi xử lý theo quy định cụ thể như sau:

**Bảng 10: Thống kê chất thải nguy hại (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)
Công ty TNHH Tú Phương**

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng/4 tháng (kg)
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	1
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	6
Dầu tổng hợp thải phát sinh từ quá trình gia công tạo hình	17 02 03	50
Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	30
Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, hóa chất, vật liệu lọc thải	18 02 01	45
Tổng số lượng		132

Như vậy, tổng khối lượng CTNH phát sinh trong 04 tháng (tính đến 04/4/2022) tại Công ty là 132kg, tương đương 33 kg/tháng

4.3. Biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải rắn nguy hại của Công ty TNHH Tú Phương

Công ty bố trí các thùng chứa Chất thải nguy hại (có nắp đậy) tạm thời tại xưởng, sau đó được nhân viên vệ sinh thu gom, vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại tạm thời. Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu giữ riêng biệt, phân loại bằng dán nhãn tên, ghi mã số CTNH theo quy định; Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ tạm thời diện tích khoảng 10m², có mái che, sàn bê tông có khả năng chống thấm, tác động của nước mưa. Tại kho lưu trữ, chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy (05 thùng loại 120 lít), có biển báo, dán nhãn cụ thể cho từng loại cũng

như có dấu hiệu cảnh báo. Bên ngoài kho lưu giữ có gắn biển cảnh báo theo TCVN 6707:2009, kích thước 30x30cm và các biển cảnh báo nguy hiểm chất lỏng dễ cháy, chất độc sinh thái và chất dễ ăn mòn.



Hình 8: Hình ảnh khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại

Công ty TNHH Tú Phương đã thực hiện đăng ký sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại số QLCTNH: 01.001191.T ngày 29/11/2012.

Định kỳ 01 lần/năm, Công ty TNHH Tú Phương lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại kèm theo chứng từ gửi lên cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Công ty TNHH Tú Phương đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty CP Đầu Tư và Kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC số 03097/202: HĐXT ETC ngày 16/3/2022.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung không đáng kể. Trong quá trình hoạt động cơ sở các máy móc được lắp đặt trong nhà xưởng riêng, xây kín, hạn chế tối đa tiếng ồn gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh



Hình 9: Hình ảnh máy móc, thiết bị trong nhà xưởng sản xuất

- Đối với các nguồn cục bộ không có công nhân thao tác liên tục như xưởng tạo màng, các loại động cơ,... các biện pháp hữu hiệu là lấy nguồn ồn vào không gian kín hoặc che chắn bằng vật liệu cách âm;
- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép;
- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng kỹ thuật để giảm độ rung;
- Định kỳ thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc tại cơ sở đảm bảo máy móc vận hành ổn định không gây ra tiếng ồn do hư hỏng;
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở vừa tạo cảnh quan vừa hạn chế cường độ âm thanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng cháy chữa cháy của cơ sở

- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- Lắp đặt hệ thống phòng cháy, báo cháy và chữa cháy. Công ty đã trang bị hệ thống chống cháy (bình cứu hỏa, họng cứu hỏa, đường dây cấp nước chữa cháy tại khu vực nhà xưởng và văn phòng); báo cháy, đèn hiệu, còi cứu hỏa hoạt động bằng đầu cảm biến điện tử. Đồng thời biển báo, nội quy phòng cháy và chữa cháy cũng được phổ biến tại khắp các khu vực văn phòng và nhà xưởng.

Bảng 11: Thông kê các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại cơ sở

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Nơi bố trí	Chất lượng thoát động
1	Máy bơm điện	01	Trạm bơm	Tốt
2	Máy bơm xăng	01	Trạm bơm	Tốt
3	Bình chữa cháy MFZL4	300	Các khu vực	Tốt
4	Đầu báo cháy quang	08	Khu vực nhà kho	Tốt
5	Lăng B chữa cháy	07	Hộp chữa cháy	Tốt
6	Vòi B	15	Hộp chữa cháy	Tốt
7	Xéng, búa, kìm động lực, xè beng	01	Tổ kỹ thuật	Tốt
8	Bể chứa nước 25 m ³	01	Bể ngầm bên trong cơ sở	Tốt
	Bể chứa nước 27 m ³	01		Tốt
	Bể chứa nước 50 m ³	01		Tốt

- Thiết bị chữa cháy (bóng chữa cháy, bình chữa cháy, ...) đều được bố trí và lắp đặt gần các thiết bị máy móc của cơ sở đảm bảo tính kịp thời khi xảy ra cháy nổ.
- Đối với hệ thống chống chập điện: Hệ thống điện của Nhà máy sẽ được bố trí đi ngầm trong các khối nhà tường xây. Mỗi một khu vực đều có attomat tự động kiểm

soát hệ thống điện, khi xảy ra sự cố sẽ tự động ngắt mạch để đảm bảo an toàn. Trong trường hợp mất điện, thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

- + Có hệ thống cấp điện dự phòng hoạt động tự động sau 30 giây.
- + Có hướng dẫn xử lý an toàn cho người đang thực hiện sản xuất khi mất điện, kể cả trong trường hợp máy phát điện dự phòng không hoạt động.
- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.
- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt.
- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống PCCC để có thể phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót.



Hình 10: Biển báo, trang thiết bị và nội quy phòng cháy và chữa cháy

Theo Biên bản kiểm tra về Phòng Cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Công an

Quận Long Biên ngày 26 tháng 02 năm 2022 về An toàn Phòng Cháy chữa cháy, Công ty đã lắp đặt các trang thiết bị PCCC theo đúng quy định và đảm bảo hoạt động bình thường.

6.2. Quy trình ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

Các khả năng sự cố chính có thể xảy ra tại cơ sở bao gồm:

- Rò rỉ hóa chất
- Rò rỉ, tràn đổ hóa chất
- Rò rỉ, tràn đổ hóa chất kết hợp nguồn nhiệt gây cháy nổ

Do vậy, các biện pháp giảm thiểu sự cố chung dưới đây được trình bày dựa trên các khả năng trên bao gồm:

❖ Biện pháp giảm thiểu khả năng rò rỉ, tràn đổ

Thực hiện các yêu cầu khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ ...) thông gió tốt nơi sử dụng, cách xa nguồn cháy

- Thực hiện tốt các quy trình kiểm tra thùng/phi/bao bì chứa hóa chất, khu vực lưu giữ hóa chất, hệ thống báo động...;

- Có kế hoạch huấn luyện kiến thức an toàn, đảm bảo mọi CBCNV làm việc trực tiếp với hóa chất phải có kiến thức an toàn hóa chất theo đúng quy định pháp luật;

- Tăng cường kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các quy định vận hành các quy định an toàn như sử dụng bảo hộ lao động trong mọi hoạt động của Công ty TNHH Tú Phương;

- Kiểm tra an toàn của xe vận chuyển hóa chất tới kho chứa của Công ty TNHH Tú Phương. Đặc biệt chú ý đến ý thức và thao tác của nhân viên vận chuyển. Tuyệt đối không cho phép nhận hàng khi chưa kiểm tra an toàn xe vận chuyển;

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình vận chuyển hóa chất vào kho, đặc biệt trong điều kiện thời tiết xấu. Dừng nhận hàng ngay khi gặp điều kiện không đảm bảo an toàn.

- Kiểm tra, kiểm soát kỹ quá trình vận chuyển hóa chất từ kho tới các vị trí sản xuất.

- Kiểm tra thường xuyên và định kỳ tất cả các khu vực để hóa chất tại các khu vực sản xuất. Đặc biệt chú ý đến các thùng/phi/bao bì chứa hóa chất, phát hiện và xử lý kịp thời các vị trí rò rỉ.

- Bảo dưỡng định kỳ các thiết bị máy móc sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất. Các van an toàn khi có điều kiện phải tháo ra kiểm tra độ nhạy đóng mở bằng khí nén.

Thực hiện các yêu cầu khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung ...) đóng kín các thùng khi không sử dụng. Bảo quản nơi thoáng mát, cách xa nguồn cháy, nên tiếp đất các thiết bị bảo quản và vận chuyển:

- Nơi chứa hóa chất cần có hệ thống thông gió với cường độ đủ lớn để ngăn chặn việc hơi hóa chất tích tụ.

- Các thiết bị, vật liệu trong kho phải được sắp xếp gọn gàng theo từng dãy đảm bảo không lấn chiếm lối đi, cản trở lối thoát nạn. Kho chứa cần được xây dựng bằng các vật liệu không cháy, khó cháy, cách ly với các khu vực khác và chỉ được mở khi xuất, nhập.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp bảo vệ với công trình thu gom và thoát nước thải ra ngoài tiếp nhận

7.1.1. Đối với nước mưa

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện các sự cố hư hỏng đường ống thu gom, thoát nước để kịp thời sửa chữa.

- Tăng cường các biện pháp vệ sinh các khu vực phát sinh nước thải trong khu vực tần suất 1 tuần/1 lần. Kiểm tra hệ thống thoát nước thường xuyên nhằm hạn chế tối đa tình trạng tắc nghẽn do đất cát, bụi, rác thải theo dòng chảy trôi vào.

- Vệ sinh các khu vực công cộng trong cơ sở 1 ngày/1 lần, đảm bảo mặt sân, đường nội bộ các khu vực này luôn luôn sạch sẽ, không để rác thải, bụi đất và cặn bẩn cuốn trôi vào trong hệ thống đường cống thu gom và thoát nước thải.

- Đảm bảo duy trì tuyến hành lang an toàn cho hệ thống nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải nguy hại xâm nhập vào đường thoát nước mưa tại cơ sở.

7.1.2. Đối với nước thải

Định kỳ nạo vét, thông hút cặn tại các bể tự hoại với tần suất 3 tháng/lần. Bổ sung chế phẩm vi sinh BIO – Tech vào bể tự hoại với tần suất 3 tháng/lần

7.2. Thực hiện sử dụng nước tiết kiệm

- Thường xuyên kiểm tra các van, khóa, đường ống để phát hiện rò rỉ và nút vỡ ống dẫn nước.

- Sử dụng nước đúng mục đích, tránh lãng phí không cần thiết, tắt khi không sử dụng.

7.3. Tăng cường hiệu quả HTXL nước thải:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát nước thải sau xử lý theo định kỳ để kiểm soát chất lượng nguồn nước thải, tần suất 3 tháng/1 lần.

7.4. Nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý môi trường:

- Cần nhắc nhở đội ngũ cán bộ chuyên trách về quản lý môi trường phải thực hiện đúng theo pháp lý hiện hành.

- Nâng cao chuyên môn bằng các lớp học về BVMT, lớp học về biện pháp giảm thiểu môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc xả nước thải vào nguồn nước đảm

bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường

Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường như sau:

TT	Nội dung	Theo Đề án bảo vệ môi trường đã được duyệt	Thực tế hiện nay	Ghi chú
1.	Vị trí nhà xe phía bên tay trái gần cổng chính hướng đường Sài Đồng	Nhà xe	Kho vật tư	Việc thay đổi vị trí khu vực nhà để xe thành Kho vật tư không ảnh hưởng tới sự vận hành của Công ty, thuận tiện hơn cho quá trình sản xuất, không phát sinh tác động xấu tới môi trường

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Dự án không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của Nhà máy chỉ có nước thải sinh hoạt. Hoạt động của Nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất.

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, lưu lượng nước thải phát sinh là 6,75 m³/ngày ;

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn, lưu lượng nước thải phát sinh là 3,75 m³/ngày đêm.

1.2. Lưu lượng xả thải tối đa, dòng nước thải, vị trí, phương thức xả nước thải và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

❖ **Lưu lượng xả thải lớn nhất:**

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của Nhà máy là 10m³/ngày.

❖ **Dòng nước thải:**

Trong giai đoạn hiện tại, Công ty TNHH Tú Phương chỉ có duy nhất 01 dòng nước thải sau khi xử lý được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

❖ **Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau khi xử lý được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

❖ **Vị trí xả nước thải:**

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰:
X=2326859m; Y=594656m

❖ **Phương thức và chế độ xả nước thải vào nguồn tiếp nhận:**

Nước thải sau sơ bộ của công ty sẽ theo đường cống dẫn vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực theo phương thức tự chảy.

Chế độ xả nước thải: liên tục.

❖ **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

Các chất ô nhiễm theo dòng nước được đề nghị cấp phép là: 11 chỉ tiêu quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép theo quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt (Cột B, hệ số K = 1,2), đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Cụ thể như sau:

Bảng 12: Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý sơ bộ của Công ty

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2) (C _{max} =C _x K)	Tần suất quan trắc
1	pH	–	6 - 10,8	3 tháng/lần
2	BOD5 (20 °C)	mg/l	60	3 tháng/lần
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	3 tháng/lần
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200	3 tháng/lần
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	3 tháng/lần
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	3 tháng/lần
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	3 tháng/lần
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	3 tháng/lần
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	3 tháng/lần
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	3 tháng/lần
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	6.000	3 tháng/lần

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn thải số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng, lưu lượng xả lớn nhất: không xác định

- Dòng khí thải:

Chủ đầu tư đề nghị cấp giấy phép cho 01 dòng khí thải là: Khí thải do hoạt động của máy phát điện dự phòng

+ Vị trí xả khí thải: (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰):

$$X = 2326805m; Y = 594703m;$$

+ Phương thức xả khí thải: gián đoạn (khi có hoạt động của máy phát điện dự phòng).

- Giới hạn các thông số ô nhiễm: chưa có quy chuẩn so sánh.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ các thiết bị phục vụ quá trình làm việc như máy phát điện. Nguồn này không liên tục, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

- Vị trí phát sinh:

+ Khu vực để máy phát điện ở phía tây bắc của dự án. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = X = 2326805m; Y = 594703m;

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 13: Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	02 lần/năm	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Bảng 14: Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	02 lần/năm	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Dự án không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại nên không đề xuất nội dung này.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Dự án không thực hiện dịch vụ nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất nên không đề xuất nội dung này.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 02 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất được tổng hợp chi tiết như sau:

ST T	Chỉ tiêu phân tích	Năm 2021		Năm 2022			QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2) (Cmax=CxK)
		Ngày 29/04/2021	Ngày 29/12/2021	Ngày 16/03/2022	Ngày 16/06/2022	Ngày 19/09/2022	
		NT	NT	NT	NT	NT	
1.	pH	6,5	6,2	7,5	7,3	7,9	6 - 10,8
2.	BOD5 (20 °C)	5,1	6,5	23,3	17,3	43,6	60
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	12	9	13	8	37	120
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	295	277	597	546	566	1200
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	4,8
6.	Amoni (tính theo N)	<0,2	<0,2	8,96	9,8	9,52	12
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	8,4	10,0	<0,1	<0,1	<0,1	60
8.	Dầu mỡ động, thực vật	0,3	0,4	0,5	0,4	0,5	24
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	12
10.	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	2,0	2,8	2,5	2,15	5,3	12
11.	Tổng Coliforms	1500	2000	2100	2000	2100	6.000

- **Vị trí lấy mẫu: +NT:** Mẫu được lấy tại điểm xả cuối trước khi chảy ra ngoài môi trường

Nhận xét: Theo các kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng năm, chất lượng nước thải của công ty luôn đảm bảo chất lượng trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2 áp dụng giá trị tối đa cho phép Cmax= C. Kết quả cho thấy tại thời điểm hiện tại của công ty hoạt động sản xuất ổn định.

2. Kết quả quan trắc môi trường không khí định kỳ

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 02 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất được tổng hợp chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu phân tích	Năm 2021		Năm 2022	QCVN 05:2013/BTNMT
		Ngày 29/04/2021	Ngày 29/12/2021	Ngày 16/06/2022	
		Kxq	Kxq	Kxq	
1.	Nhiệt độ (oC)	35,8	22,5	33,5	-
2.	Độ ẩm (%)	70	70	60	-
3.	Tốc độ gió (m/s)	0,82	0,73	0,53	-
4.	Tiếng ồn (dBA)	65	67	68	70
5.	Bụi TSP ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	115	113	117	300
6.	NO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	69	68	72	200
7.	SO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	75	76	78	350
8.	CO ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	<5080	<5080	<5080	30.000
9.	VOCs (xylen) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	KPH	KPH	KPH	5.000

STT	Chỉ tiêu phân tích	Năm 2021						Năm 2022			QCVN 03:2019/BYT
		Ngày 29/04/2021			Ngày 29/12/2021			Ngày 16/06/2022			
		K _{1d1}	K _{1d2}	K _{1d3}	K _{1d1}	K _{1d2}	K _{1d3}	K _{1d1}	K _{1d2}	K _{1d3}	
1.	Nhiệt độ (oC)	31,5	30,3	31,1	26,5	24,3	24,1	30,5	28,6	29,1	18 – 32⁽¹⁾
2.	Độ ẩm (%)	70	70	70	70	70	70	60	60	60	40 - 80⁽¹⁾
3.	Tốc độ gió (m/s)	0,6	0,8	0,4	0,6	0,4	0,7	0,6	0,7	0,5	0,2 - 1,5⁽¹⁾
4.	Bụi toàn phần (mg/m^3)	1,12	0,48	0,31	1,1	0,52	0,35	1,12	0,55	0,32	8

STT	Chỉ tiêu phân tích	Năm 2021						Năm 2022			QCVN 03:2019/BYT
		Ngày 29/04/2021			Ngày 29/12/2021			Ngày 16/06/2022			
		K _{1d1}	K _{1d2}	K _{1d3}	K _{1d1}	K _{1d2}	K _{1d3}	K _{1d1}	K _{1d2}	K _{1d3}	
5.	NO ₂ (mg/m ³)	0,06	0,02	0,01	0,46	0,12	0,08	0,45	0,13	0,08	5
6.	SO ₂ (mg/m ³)	0,57	0,12	0,05	0,65	0,18	0,11	0,62	0,17	0,12	5
7.	CO (mg/m ³)	5,65	<5,08	<5,08	6,05	<5,08	<5,08	6,15	<5,08	<5,08	20
8.	VOCs (xylen) (mg/m ³)	1,05	0,8	KPH	1,15	0,85	KPH	1,13	0,81	KPH	100
9.	Tiếng ồn (dBA)	82	67	71	83,5	67	70	82,5	69	68	85⁽²⁾

- **Vị trí lấy mẫu:** +K_{1d}: Đo tại vị trí giữa khu vực sản xuất chính của Công ty

Nhận xét: Theo các kết quả quan trắc chất lượng không khí hàng năm, chất lượng không khí của công ty luôn đảm bảo chất lượng trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí xung quanh (QCVN 05:2013/BTNMT) và Quyết định 3733/2002/BYT. Do vậy các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí của Công ty hiện đang áp dụng có hiệu quả trong việc phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm không khí tại Nhà máy sản xuất.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công ty TNHH Tú Phương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 74/STNMT-CCMT ngày 26/01/2014 đối với “Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị” cơ sở tại 172 phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do đó cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ quy định Khoản 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 và tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị của Công ty TNHH Tú Phương không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục

Theo luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định việc thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị của Công ty TNHH Tú Phương không thuộc đối tượng phải thực hiện hoạt động quan trắc môi trường tự động, liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Do Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị của Công ty TNHH Tú Phương không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hay quan trắc môi trường tự động nên không phải dự trù kinh phí thực hiện cho hạng mục này.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, Công ty TNHH Tú Phương đã có các đợt thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị như sau:

1. Đoàn thanh tra của Sở Công thương Hà Nội

Ngày 26/9/2022, thực hiện Quyết định số 520/QĐ-SCT ngày 20/9/2022 của Sở Công thương Hà Nội về việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực công thương tại Công ty TNHH Tú Phương. Sau buổi kiểm tra, đoàn làm việc đã có những đánh giá như sau:

1.1. Đánh giá sơ bộ

a. Tình hình sản xuất, kinh doanh:

Công ty TNHH Tú Phương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100596996 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/6/1994, cấp lại lần thứ 10 ngày 02/02/2015.

- Số lượng công nhân viên: 150 người
- Sản phẩm của doanh nghiệp: hạt nhựa, túi nilon.
- Lượng sản phẩm năm 2021: 3.190 tấn, dự kiến năm 2022: 3.050 tấn
- Tình hình sử dụng nguyên, nhiên liệu, hóa chất (số lượng, chủng loại). Công ty sử dụng phụ gia Trical: 15.000 kg/tháng: hạt màu 3.000 kg/tháng: mực in, dung môi: 1.500 kg/tháng.

b. Việc thực hiện các quy định về BVMT theo Thông tư số 35/2015/TT-BCT

Công ty đã xây dựng Đề án bảo vệ môi trường và được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt theo Quyết định số 708/QĐ-STNMT ngày 05/11/2012. Giấy xác nhận hoàn thành 74/STNMT-CCMT ngày 26/01/2014 của Sở Tài nguyên và môi trường về việc hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cơ sở "Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị" - Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tú Phương, địa điểm 172 đường Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Tp.Hà Nội.

Công ty đã xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, được Sở Công Thương xác nhận tại Văn bản số 5850/XN-SCT ngày 14/11/2016 (do Công ty có sử dụng mực in, dung môi phục vụ cho công đoàn In lên một số sản phẩm theo đơn đặt).

Công tác vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Công ty không có nước thải trong quá trình sản xuất, chỉ có nước thải sinh hoạt (trung bình 6-8 m³/ngày.đêm) và nước mưa chảy tràn. Có hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống chung. Được cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 546/GP-UBND do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2019.

Thực hiện phân loại và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định. Kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường trong trường hợp không tự xử lý:

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty CP công trình đô thị Long Biên số 036/2022/HĐVSMT ngày 31/12/2021.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty CP Đầu Tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC số 03097/202: HĐXT ETC ngày 16/3/2022.

Việc lập sổ đăng ký chủ nguồn thải, phân loại theo các nhóm khác nhau, lớn giữ trong kho chứa và quản lý chất thải nguy hại theo quy định số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số OLCINH: 010011917 được Sở Tài nguyên và Môi trường các ngày 29/11/2012.

Việc đăng ký chủ nguồn thải khí thải công nghiệp đối với các hoạt động sản xuất thuộc Danh mục nguồn khí thải lưu lượng lớn: Công ty không thuộc danh mục theo Phụ lục 1 của Thông tin số 35/2015/TT-BCT này 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Thực hiện quan trắc môi trường đối với các thông số và tần suất trong báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc văn bản tương đương được phê duyệt, xác nhận (Đơn vị thực hiện quan trắc phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật).

Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ năm 2022 02 đợt (thực hiện tháng 3/2022, tháng 9/2022), kết quả quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn.

Thực hiện việc xây dựng và xác nhận hệ thống quản lý môi trường theo quy định: Công ty không thuộc danh mục theo Phụ lục II của Thông tư số 35/2015/TT-BCT ngày 27/10 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

1.2. Kết luận

Qua quá trình kiểm tra hồ sơ và thực tế tại Công ty TNHH Tú Phương, Đoàn kiểm tra kết luận:

- Về hồ sơ: đã chấp hành đầy đủ các hồ sơ pháp lý theo quy định

- Qua kiểm tra thực tế tại Nhà máy: Tại khu vực xử lý nước thải sinh hoạt, khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp; khu lưu giữ chất thải nguy hại; kho lớn giữ mực in và dung môi; cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Đề nghị đơn vị:

- Tiếp tục duy trì công tác bảo vệ môi trường trạng quá trình sản xuất, kinh doanh và thực hiện đầy đủ các quy định của thà nước về bảo về môi trường.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 01 lần/năm theo quy định của Thông 35/2015/TT-BCT ngày 27/10/2015 của Bộ Công Thương.

2. Đoàn kiểm tra của UBND quận Long Biên

Ngày 08/8/2022, thực hiện Quyết định số 5385/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND quận Long Biên về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với các cơ sở theo kiến nghị của đại diện cư dân tổ hợp chung cư TSG Lotus Sài Đồng, số 190 phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên. Kết quả kiểm tra như sau:

2.1. Thông tin chung

Công ty TNHH Tú Phương – 172 phố Sài Đồng phường Việt Hưng hoạt động từ năm 1994.

- Diện tích: 6539 m²
- Số lượng công nhân viên: 150 người
- Ngành nghề: sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ nhựa
- Cơ sở sử dụng nước sạch để phục vụ sinh hoạt, rửa tay chân và nấu ăn cho công nhân viên. 260m³ - 270m³/tháng;
- Có bố trí bếp ăn phục vụ công nhân viên;
- Công suất khoảng 2500 tấn/năm;
- Nguyên liệu đầu vào là các hạt nhựa dưới tác động của nhiệt độ cao kasm nóng chảy đưa qua máy thổi màng tạo thành các màng mỏng được làm nguội và cắt theo các kích cỡ khác nhau;
- Máy móc: máy thổi: 36 cái; máy cắt: 28 cái; máy nén khí, dập quai, dán hàng.

2.2. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường

a. Hồ sơ pháp lý

Cơ sở cung cấp đủ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 năm 2015;
- Hợp đồng thuê đất;
- Quyết định số 708/QĐ-STNMT ngày 05/11/2012 về phê duyệt đề án BVMT + Đề án đã được phê duyệt;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại năm 2012;
- Giấy xác nhận hoàn thành đề án;
- Giấy phép xả thải số 546/GP-UBND ngày 25/12/2019 do UBND thành phố Hà Nội cấp (10m³/ngày.đêm);
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt;
- Hóa đơn tiền nước 3 tháng;
- Hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Báo cáo kết quả giám sát môi trường tháng 6/2022;

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất + xác nhận biện pháp phòng ngừa của Sở Công thương năm 2016;
- Phiếu phân tích nước thải sau xử lý;
- Bản vẽ tổng thể mặt bằng và vị trí xả thải;
- Chứng từ, ủy nhiệm chi nộp phí BVMT đối với nước thải năm 2020, 2021.

b. Kiểm tra thực tế

Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở hoạt động bình thường. Cơ sở đã có khu vực lưu giữ CTNH, có biển cảnh báo và dán mã CTNH đáp ứng kỹ thuật.

Tại xưởng sản xuất có 02 quạt gió tiếp giáp tường rào với Công ty Việt Mỹ, Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở chuyển vị trí hoặc bịt kín lỗ quạt thông gió nhằm hạn chế, phát tán mùi/ hơi ra khu dân cư xung quanh.

Đoàn kiểm tra tiến hành lấy 02 mẫu không khí (01 mẫu tại tường rào phân xưởng tạo hạt tiếp giáp công ty sơn Việt Mỹ; 01 mẫu tại khu vực cổng công ty).

c. Yêu cầu của Đoàn kiểm tra

Đoàn kiểm tra yêu cầu công ty thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế mùi, tiếng ồn trong quá trình hoạt động, tránh ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh. Tiếp tục đúng và đầy đủ quy định của pháp luật về BVMT và tài nguyên nước.

Kết luận chung:

- Công ty TNHH Tú Phương đã chấp hành nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, chứng minh đầy đủ qua các giấy tờ pháp lý có liên quan như: Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT, Quyết định phê duyệt đề án BVMT, Giấy phép Xả nước thải vào nguồn tiếp nhận, Sổ quản lý chất thải nguy hại...
- Trong quá trình sản xuất của 05 năm trở lại đây, công ty TNHH Tú Phương đã không vi phạm bất kỳ lỗi nào vào về vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Tú Phương cam kết các nội dung, thông tin trong Báo cáo này, các kết quả phân tích chất lượng nước thải được đưa trong Báo cáo và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty TNHH Tú Phương cam kết không xả nước thải khi chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, C_{max} được tính hệ số $K=1,2$) ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Tú Phương cam kết không xả nước thải dưới bất kỳ hình thức và vị trí nào khác ngoài vị trí, lưu lượng và chế độ xả thải đã trình bày trong hồ sơ.

Công ty TNHH Tú Phương cam kết bồi thường thiệt hại nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, môi trường làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trong khu vực.

Công ty TNHH Tú Phương cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước cũng như của UBND thành phố Hà Nội về việc xả nước thải cũng như thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, bồi thường thiệt hại trong trường hợp cơ sở để xảy ra ô nhiễm, định kỳ tiến hành quan trắc, giám sát hoạt động xả nước thải.

Công ty TNHH Tú Phương cam kết thực hiện chương trình quản lý và kiểm soát môi trường của Nhà máy sản xuất theo quy định của pháp luật.

Kính mong UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thẩm định, cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở Nhà máy sản xuất túi xốp siêu thị của Công ty TNHH Tú Phương và giúp đỡ chúng tôi trong quá trình hoạt động.

Trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
3. Sơ đồ vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường
4. Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở
5. Bản sao Đề án Bảo vệ môi trường và Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của dự án;
6. Bản sao Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án;
7. Các giấy phép môi trường thành phần của cơ sở.
8. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại
9. Các biên bản kiểm tra về môi trường